

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 11 - 2018

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Anh T2, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù, tại phân trại số III, trại giam T3, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 30/7/2018 và trong quá trình xét xử, chị Lý Thị Th là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Hoàng Anh T2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến đầu năm 2013, chị đưa con về xóm 1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến tháng 09 năm 2018 chị được biết anh T2 vi phạm pháp luật về tội ma túy, hiện đang chấp hành án tại trại giam T3, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Anh T2.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác, anh Hoàng Anh T2 là bị đơn trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hòa thuận, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như chị Lý Thị Th đã trình bày. Nay chị Th xin ly hôn anh đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do anh đang phải chấp hành án tại trại giam T3, huyện H, tỉnh Phú Thọ nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Th và anh T2 trình bày thống nhất, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 12/12/2009. Khi ly hôn, chị Th và anh T2 cùng có nguyện vọng, giao cháu Hoàng A cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Th.

Về con riêng: Không có, không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Chị Th, anh T2 thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị Th và anh Hoàng Anh T2. Về con chung: Giao cháu Hoàng A, sinh ngày 12/12/2009 cho chị Lý Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Anh Hoàng Anh T2 là bị đơn, có địa chỉ tại tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam T3, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Hoàng Anh T2 có đơn đề nghị Tòa

án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lý Thị Th và anh Hoàng Anh T2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 18/5/2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Th và anh T2 chung sống hòa thuận tại tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 thường xuyên uống rượu chè, chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Đầu năm 2013, chị Th cùng con bỏ về sinh sống tại xóm 1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Kể từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th xin ly hôn, anh T2 đồng ý là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Th và anh T2 có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 12/12/2009. Khi ly hôn, chị Th và anh T2 cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Hoàng A cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Hoàng A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Th. Xét thấy, chị Th và anh T2 thỏa thuận là tự nguyện phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị Th và anh T2 cùng thống nhất xác nhận, vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Th, anh T2 thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Th xin chịu toàn bộ án phí (Chị Th xin chịu thay cho cả án phí ly hôn sơ thẩm của anh T2). Xét thấy yêu cầu của chị Th là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị Th và anh Hoàng Anh T2.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng A, sinh ngày 12/12/2009 cho chị Lý Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh Hoàng Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lý Thị Th chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Th xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh T2). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001420 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị Th đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Anh T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

